TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 33/2019/DS - PT
Ngày: 11/6/2019
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quế.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Anh Dân và bà Dương Thị Liên

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2018/TLPT - DS ngày 25 tháng 12 năm 2018 về Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2018/DS - ST ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/QĐPT - DS ngày 04 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông D, sinh năm 1952;

Trú quán: Xóm 5, xã PX, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Ng, Văn phòng luật sư TN, Đoàn LS, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

2. Bị đơn: Chị M**,** sinh năm 1979;

Trú quán: Xóm 5, xã PX, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 UBND huyện ĐT: Người đại diện theo pháp luật; Ông H1 - Chủ tịch UBND huyện. Người đại diện theo ủy quyền: Ông L, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ĐT - vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt).

3.2 Bà B, sinh năm 1954; (vợ ông D).

Trú quán: Xóm 5, xã PX, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

3.3 Bà Ph, sinh năm 1947; (mẹ chị Mai).

Trú quán: Xóm 5, xã PX, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.4 Chị H, sinh năm 1981; (em chị M).

Trú quán: Xóm Kẹm, xã LB, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

3.5 Chị B, sinh năm 1983 (em chị M).

Trú quán: Xóm CR, xã HN, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn ông D trình bày: Ông là chú ruột của chị M, anh trai ông là P, vợ là chị Ph (anh P đã chết năm 1991). Năm 1994 ông được hợp tác xã chia ruộng cho gia đình ông canh tác, trong đó có 03 thửa ruộng gồm thửa 95 diện tích 690m^2, thửa 96 diện tích 540m^2, thửa 93 diện tích 580m^2 tại tờ bản đồ số 6 bản đồ giải thửa 299 xã PX, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi nhận đất ông đã gọi chị Ph lên cho mượn 03 thửa ruộng trên để chị Ph lấy đất canh tác nuôi con, khi mượn không có văn bản giấy tờ gì. Đến năm 2001, tại cuộc họp gia đình chị M đã đồng ý trả lại cho ông các thửa ruộng trên để đi lấy chồng. Sau khi chị M trả ruộng cho ông không biết ai xúi bẩy chị M đã kiện ông ra UBND xã PX để đòi 03 thửa ruộng trên, quá trình giải quyết UBND xã PX đã chấp nhận cho chị M được quyền sử dụng các thửa ruộng trên. Năm 2003 chị M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông đề nghị Tòa án buộc chị M trả lại cho ông 03 thửa ruộng nêu trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà B nhất trí với lời khai và yêu cầu khởi kiện của ông D.

Bị đơn chị M trình bày: Chị là con ông P và bà Ph bố mẹ chị sinh được 03 người con gồm: M, sinh năm 1979; H, sinh năm 1981; B, sinh năm 1983. Năm 1991 bố chị không may qua đời. Năm 1993 nhà nước có chính sách chia ruộng đất cho các gia đình trong xã. Khi đó mẹ chị không được minh mẫn, chị và các em còn nhỏ nên mẹ chị đã nhờ chú ruột chị là ông D đi nhận ruộng đất giúp gia đình, còn diện tích bao nhiêu mẹ chị cũng không biết. Sau này lớn lên chị được ông Th nay đang sinh sống tại xóm 5, xã PX, huyện ĐT kể lại toàn bộ sự việc mẹ chị nhờ chú D nhận hộ ruộng đất. Sau khi nhận 03 thửa ruộng trên chú D giao lại cho gia đình chị quản lý và sử dụng, gia đình chị đóng thuế thông qua sổ thuế nhà chú D vì lúc đó chú D đi nhận và chỉ có sổ bìa xanh chú D quản lý.

Năm 2001 thì xảy ra tranh chấp, chú D chỉ đòi chị một thửa số 93 diện tích 580m^2, UBND xã xã PX và UBND huyện ĐT về giải quyết chú D đã công nhận 03 thửa ruộng này là của mẹ chị bà Ph. Năm 2003 mẹ chị cho chị đứng tên nên chị đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 03 thửa ruộng và chị đã sử dụng đến nay. Nay ông D yêu cầu chị trả lại đất chị không nhất trí, vì đây là đất của bố mẹ chị, chị được thừa hưởng từ bố mẹ chị, chị không mượn đất của chú D.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ph trình bày: Bà và ông P kết hôn năm nào bà không nhớ, vợ chồng bà sinh được 03 người con là M; H; BChồng bà đã chết lâu rồi. 03 thửa ruộng ở cánh đồng xóm Đ nguồn gốc là của Hợp tác xã

chia cho gia đình bà. Từ khi bà về làm dâu gia đình ông P thì vợ chồng bà đã canh tác trên 3 thửa ruộng đó đến nay. Việc giấy tờ thuế má do chồng bà, sau này là các cháu làm thế nào bà không biết. Ông D là em chồng của bà đòi mấy thửa ruộng đó bà không đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị H trình bày: Chị là con ông p và bà Ph, bố mẹ chị sinh được 03 người con gái là M; H; B. Năm 1991 bố chị bị tai nạn chết, khi chết mấy chị em còn bé, mẹ chị là người không nhanh nhẹn chỉ biết làm việc nhà và làm ruộng không tiếp xúc va chạm với xã hội, bà không biết chữ, mọi việc đều nhờ vào chú D là chú ruột. Ba thửa ruộng của nhà chị là ở khu cuối cánh đồng xóm Đ, theo giấy tờ là thửa 93 diện tích 580m^2, thửa 95 diện tích 690m^2, thửa 96 diện tích 540m^2, tại tờ bản đồ số 6 bản đồ giải thửa 299 xã PX, huyện ĐT tỉnh Thái Nguyên. Sau khi bố chị mất, Hợp tác xã chia ruộng theo nhân khẩu, mẹ chị có nhờ chú D đi nhận ruộng hộ, tiền thuế nông nghiệp thì mẹ con chị đưa tiền nhờ chú Dẩu đóng thuế nông nghiệp hộ. Đến năm 2000 chị M lấy chồng do mẹ chị cần người chăm sóc nên chị M và anh rể về ở với mẹ chị và sử dụng số ruộng trên. Khi chị Ma lấy chồng, chú D quan niệm đất đai là của con trai, con gái đi lấy chồng không được hưởng nên chú làm đơn ra xã kiện đòi 01 thửa ruộng là thửa 93 diện tích 580m^2. UBND xã giải quyết sau đó chuyển lên UBND huyện ĐT. Phòng Địa chính huyện đã kết luận là thửa đất đó hợp tác xã giao cho mẹ tôi là bà Ph, sau đó chị Mđã làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị M vào năm 2003. Đến nay không hiểu sao chú D lại kiện đòi cả ba thửa ruộng đó. Chị xác định ba thửa ruộng đó là phần đất ruộng hợp tác xã đã giao cho gia đình chị. Chị không đồng ý trả lại cho ông D.

Chị Trần Thị Bình trình bày: Chị là con ông P và bà Ph bố mẹ chị sinh được 03 người con gái là M; H và B. Năm 1991 bố chị chết, chị ở với mẹ đến năm 2013 mới đi lấy chồng. Chị được bố mẹ sinh ra nuôi lớn cho đi học nhưng chị không học được nên không biết chữ, ở nhà làm ruộng với mẹ và chị gái. Chuyện giấy tờ đất ruộng chị không biết gì. Từ nhỏ chị vẫn theo mẹ, theo chị gái đi cấy lúa ở ba thửa ruộng cánh đồng xóm Đ. Sau khi chị đi lấy chồng thì số ruộng đó do mẹ chị và chị cả chị làm. Việc kiện tụng Tòa án của chú D chị không biết gì nên không tham gia, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện ĐT, ông L1 trình bày: Qua kiểm tra, xác minh hồ sơ và báo cáo số 30/BC - UBND ngày 11/4/2018 của UBND xã PX cho thấy: Thửa đất số 93 tờ bản đồ số 6 diện tích 580m^2 đất 2L, thửa đất số 95 tờ bản đồ số 6 diện tích 690m^2 đất 2L, thửa đất số 96 tờ bản đồ số 6 diện tích 540m^2 đất 2L (Bản đồ 299 xã PX) có nguồn gốc: Do hợp tác xã giao cho gia đình bà Ph (mẹ chị M) từ năm 1992 để sản xuất nông nghiệp theo chính sách giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình cá nhân. Gia đình bà Ph được sử dụng các thửa ruộng trên. Năm 2003 bà Ph cho con gái là chị M sử dụng, chị M sử dụng từ năm 2003 đến nay. Năm 2003, chị M kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và

được UBND huyện ĐT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1507 ngày 28 tháng 4 năm 2003.

Tại Báo cáo kết luận số 37/BC - KL ngày 30/8/2001 của phòng Địa chính (nay là phòng Tài nguyên và Môi trường huyện) xác định diện tích 1.810m^2 đất tại thửa đất số 93 tờ bản đồ số 6 diện tích 580m^2 đất 2L, thửa đất số 95 tờ bản đồ số 6 diện tích 690m^2 đất 2L, thửa đất số 96 tờ bản đồ số 6 diện tích 540m^2 là diện tích đất ruộng giao khoán cho bà Ph đã quản lý sử dụng từ năm 1994 đến năm 2001, trong đó ông D đã chiếm thửa đất số 93 tờ bản đồ số 6 diện tích 580m^2 của bà Ph. Tuy nhiên, hiện nay hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1507 mang tên hộ bà M không được lưu trữ tại kho lưu trữ của UBND huyện ĐT. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đại Từ giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thẩm định và định giá tài sản đang tranh chấp, kết quả như sau: Thửa đất số 93 tờ bản đồ số 6 diện tích 580m^2 đất 2L nay là thửa 51 tờ bản đồ số 17, diện tích 609,2m^2 loại đất LUC. Thửa đất số 95 tờ bản đồ số 6 diện tích 690m^2 đất 2L, thửa đất số 96 tờ bản đồ số 6 diện tích 540m^2 nay gộp thành thửa 84 tờ bản đồ số 17, diện tích 1.263,5m^2 loại đất LUC; Trị giá tài sản: 1.872,7m^2 x 58.000đ/m^2 = 108.616.600đ (một trăm linh tám triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, sáu trăm đồng).

Với nội dung nêu trên tại bản án số 13 ngày 23/10/2018 Tòa án nhân dân huyện Đại Từ đã xét xử và quyết định:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 165; 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 97 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu khởi kiện đòi lại các thửa đất số 95 tờ bản đồ số 6 diện tích 690m^2 đất 2L, thửa đất số 96 tờ bản đồ số 6 diện tích 540m^2 nay gộp thành thửa 84 tờ bản đồ số 17, diện tích 1.263,5m^2 loại đất LUC; Thửa đất số 93 tờ bản đồ số 6 diện tích 580m^2 đất 2L nay là thửa 51 tờ bản đồ số 17, diện tích 609,2m^2 loại đất LUC của ông D đối với chị M.

2. Về án phí: Ông D phải chịu 5.430.800đ án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ theo biên lai số 0011929 ngày 19/10/2017.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/11/2018 ông D kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông buộc chị M phải trả lại cho ông 03 thửa đất ruộng nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông D vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1] Về nguồn gốc 03 thửa đất mà ông D kiện đòi chị M phải trả lại thì thấy rằng:

Thửa đất số 95 tờ bản đồ số 6 diện tích 690m^2 đất 2L, thửa đất số 96 tờ bản đồ số 6 diện tích 540m^2 nay gộp thành thửa 84 tờ bản đồ số 17, diện tích 1.263,5m^2 loại đất LUC; thửa đất số 93 tờ bản đồ số 6 diện tích 580m^2 đất 2L nay là thửa 51 tờ bản đồ số 17, diện tích 609,2m^2 loại đất LUC. Năm 1994 Hợp tác xã giao cho gia đình bà Ph, do bà Ph không biết chữ, chị M và các em chị M còn nhỏ nên đã nhờ ông D là chú ruột đi nhận ruộng hộ. Theo quy định, mỗi nhân khẩu được sử dụng 500m^2. Ông D đã đi nhận các thửa đất số 93, 95, 96 và kê khai trong sổ thuế sử dụng đất nông nghiệp của ông D là đúng sự thật. Trên thực tế chị M cùng gia đình sử dụng ổn định từ năm 1994 đến năm 2001 thì xảy ra tranh chấp. Ông D cho rằng 03 thửa đó là của ông vì đã có trong sổ thuế sử dụng đất nông nghiệp. Ông chỉ cho bà Phòng và chị M mượn đất để sử dụng (cho bằng miệng không có văn bản giấy tờ). Quá trình tranh chấp UBND xã PX đã tiến hành hòa giải và xác định 03 thửa đất ruộng nêu trên thuộc quyền sử dụng của gia đình bà Ph cùng các con là M, B và H vì đây là chia đất ruộng theo nhân khẩu của xã. Tại báo cáo kết luận số 37/BC - KL ngày 30/8/2001 của Phòng địa chính huyện ĐT cho biết " vào ngày 14/8/2001 Phòng địa chính huyện ĐT mở hội nghị giải quyết việc tranh chấp đất giữa ông D và chị M gồm có Ban lãnh đạo xóm 5; Cán bộ tư pháp; Hội đồng nhân dân; Hội nông dân; Chủ tịch UBND xã PX cùng các đương sự, ông Dẩu đã công nhận diện tích 1.810m^2 là tiêu chuẩn ruộng đất của hộ bà Ph (mẹ đẻ chị M) ông D có đứng tên trên sổ thuế hàng năm, bà Ph có đưa tiền để ông D đóng thuế giúp, tuy nhiên ông D có ý kiến đất đai của anh em dòng họ nên ông phải là người được điều hành giao đất, thu hồi đất cho ai là quyền của ông". Năm 2003 gia đình ông D có kê khai quyền sử dụng đất nhưng ông không kê khai 3 thửa ruộng đó và ông cũng không sử dụng từ năm1994 đến tận bây giờ. Bản thân ông được cấp quyền sử dụng đất từ năm 2003 cũng không có 3 thửa ruộng trên, chị M cũng được cấp quyền sử dụng đất năm 2003 thì có 03 thửa ruộng trên, ông D cũng không khiếu nại cơ quan có thẩm quyền cấp quyền sử dụng đất cho tới năm 2016 ông mới có đơn khởi kiện yêu cầu chị M phải trả lại cho ông 03 thửa ruộng nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông là có căn cứ, tuy nhiên việc xác định UBND huyện ĐT tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ là không cần thiết.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Dẩu cho rằng: Ba thửa ruộng tranh chấp này là của ông D vì đã có trong sổ thuế nông Nghiệp của ông D, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm đã không xác minh những người làm trong Hợp tác xã ngày đó để làm rõ các tình tiết của vụ việc, mặt khác

cấp sơ thẩm áp dụng Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2005 đã hết hiệu lực, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng: Với những tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp cũng như các cơ quan quản lý đất đai tại địa phương cung cấp thì có đủ căn cứ khẳng định 03 thửa ruộng có trong sổ thuế nông nghiệp của ông D là của gia đình bà Ph được chia đất nông nghiệp để sử dụng mà ông D chỉ là người đi nhận số ruộng thay cho gia đình bà Ph và thực tế sau khi nhận về thì gia đình bà Ph đã sử dụng ngay từ năm 1994 đến tận bây giờ vẫn đang quản lý, sử dụng. Việc án sơ thẩm áp dụng Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2005 là đúng vì theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định " *Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005 Quốc hội 11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH 11 để giải quyết*". Do vậy việc đề nghị hủy bản án sơ thẩm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D là không cần thiết như đã phân tích nêu trên.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 97 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 13/2018/DS - ST ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

1. Bác yêu cầu khởi kiện đòi lại các thửa đất số **95** tờ bản đồ số 6 diện tích 690m^2 đất 2L; thửa đất số **96** tờ bản đồ số 6 diện tích 540m^2 nay gộp thành thửa 84 tờ bản đồ số 17, diện tích 1.263,5m^2 loại đất LUC; thửa đất số **93** tờ bản đồ số 6 diện tích 580m^2 đất 2L nay là thửa 51 tờ bản đồ số 17, diện tích 609,2m^2 loại đất LUC của ông D đối với chị M.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông D vì ông D thuộc trường hợp được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông D được trả lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0011929 ngày 19/10/2017 và biên lai số 0012475 ngày 01/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Đại Từ;
- UBND huyện Đại Từ;
- UBND PX;
- Các đương sự;
- VP – TAT;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Quế